

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016-Công ty cổ phần Sông Đà 4

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 4;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên số 01/BB-ĐHĐCĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2016 và Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần Sông Đà 4.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông Quyết nghị thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2015 và kết quả SXKD năm 2015:

1.1. Nội dung báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2015: Như tài liệu trình ĐHĐCĐ.

1.2. Báo cáo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015:

- Tổng giá trị SXKD : 806/703 tỷ đồng, đạt 114,7 % KH năm;
- Tổng doanh thu : 860,65/654,0 tỷ đồng, đạt 131,6% KH năm;
- Lợi nhuận
- + Lợi nhuận trước thuế : 30,01/30,0 tỷ đồng, đạt 100% KH năm;
- + Lợi nhuận sau thuế : 24,99 /23,4 tỷ đồng, đạt 106,8% KH năm;
- Thu nhập bq CBCNV : 8,55/7,5 triệu đồng/người/tháng, đạt 114% KH năm
- Nộp ngân sách : 42,59/37,54 tỷ đồng, đạt 113 % KH năm;
- Vốn chủ sở hữu : 152,9/146,1 tỷ đồng, đạt 104,6 % KH năm;
- Tổng tài sản : 957,72/843,3 tỷ đồng, đạt 113,5 % KH năm;
- Đầu tư : 32,3/48,98 tỷ đồng, đạt 66 %;

WEG
1

2. Thông qua phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2015:

TT	Chi tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	30.004.799.906
2	Loại trừ chi phí tính thuế TNDN	Đồng	3.181.379.910
3	Lợi nhuận chịu thuế (1+2)	Đồng	33.186.179.816
4	Thuế TNDN phải nộp	Đồng	5.011.051.632
-	Thuế TNDN hiện hành năm 2015	Đồng	5.684.553.964
-	Thuế TNDN được miễn giảm	Đồng	673.502.332
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (1-4)	Đồng	24.993.748.274
6	Lợi nhuận 2014 tăng thêm theo biên bản KTNN	Đồng	3.011.767.493
7	Lợi nhuận phân phối năm 2015 (5+6)	Đồng	28.005.515.767
8	Trích lập các quỹ	Đồng	12.555.515.767
a	Quỹ Đầu tư phát triển	Đồng	10.123.491.173
-	Bổ sung từ thuế TNDN được miễn giảm	Đồng	673.502.332
-	Bổ sung từ lợi nhuận năm 2014 tăng thêm theo biên bản kiểm toán nhà nước	Đồng	3.011.767.493
-	Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.438.221.348
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	2.432.024.594
9	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức (7-8)	Đồng	15.450.000.000
10	Vốn điều lệ	Đồng	103.000.000.000
11	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền (9/10)		15%

3. Thông qua báo cáo chi thù lao HĐQT, BKS năm 2015;

Năm 2015, đơn vị hoàn thành ≥ 100 kế hoạch (các chỉ tiêu kinh tế chính như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra), quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2015 bằng dự toán được duyệt là: 720.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Trong đó:

TT	Chức danh	Số lượng	Số Tháng	Mức thù lao đ/người/tháng	Tổng số tiền thù lao năm 2015 (VND)
I	Hội đồng quản trị	5			
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	10.000.000	120.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	12	8.000.000	384.000.000

Handwritten signature

TT	Chức danh	Số lượng	Số Tháng	Mức thù lao đ/người/tháng	Tổng số tiền thù lao năm 2015 (VND)
II	Ban Kiểm soát	3			
1	Trưởng BKS	1	12	8.000.000	96.000.000
2	Thành viên BKS	2	12	5.000.000	120.000.000
	Tổng cộng				720.000.000

4. Kế hoạch SXKD năm 2016:

Kế hoạch SXKD năm 2016 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tổng giá trị SXKD: 803,00 tỷ đồng.
- Doanh thu: 785,9 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 45,50 tỷ đồng.
- Lợi nhuận:
 - + Lợi nhuận trước thuế: 32,0 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận sau thuế: 27,02 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 155,4 tỷ đồng
- Vốn điều lệ: 103 tỷ đồng
- Tổng tài sản: 871,4 tỷ đồng
- Dự kiến tỷ lệ cổ tức: 15 %.
- Thu nhập bình quân: 8,26 triệu đồng/người/tháng
- Kế hoạch đầu tư: 48,2 tỷ đồng.

5. Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2016-2020:

Định hướng phát triển đến năm 2020: Ngành nghề kinh doanh chính- Thị công xây lắp các công trình công nghiệp dân dụng.

5.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 năm từ 2016÷2020:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKD giai đoạn từ năm 2016÷2020 là : 6,5%/năm.
- Tổng giá trị SXKD: 4.570 tỷ đồng, trong đó:
 - + Xây lắp: 4.365 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 95% trong tổng giá trị SXKD.
 - + Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm: 205 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 5% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.
- Doanh thu: 4.285 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 187 tỷ đồng
- Nộp nhà nước: 265 tỷ đồng.
- Giá trị đầu tư: 155 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân 1 CBCNV/tháng: 10 triệu đồng.

5.2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020:

- Tổng giá trị SXKD: 1.030 tỷ đồng, Trong đó:
- + Xây lắp: 986 tỷ đồng (trong đó giá trị xây lắp công trình hạ tầng công nghiệp, dân dụng chiếm tỷ trọng 50% trong tổng giá trị xây lắp).
- + Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm: 44 tỷ đồng.
- Doanh thu: 940 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 58 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 42 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân: 11,5 triệu đồng/người/tháng
- Giá trị đầu tư thiết bị thi công: 40 tỷ đồng.

6. Sửa đổi điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 4:

Thông qua toàn văn điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 4 được sửa đổi theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

(Chi tiết kèm theo).

7. Lựa chọn Công ty kiểm toán kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016

Thông qua việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty lựa chọn một trong những đơn vị kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận được kiểm toán cho các tổ chức niêm yết để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần Sông Đà 4.

8. Kế hoạch mức tiền lương, mức thù lao năm 2016:

Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD (một số chỉ tiêu chủ yếu: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận) của Công ty hoàn thành $\geq 100\%$, dự toán mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tối đa như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Thù lao (đ/người/tháng)	Tiền lương 01 tháng (VND)
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	01	10.000.000	
	Chủ tịch HĐQT chuyên trách (nếu có)			50.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	8.000.000	
3	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	1		35.000.000
4	Thành viên ban kiểm soát	2	5.000.000	

25
TY
IN
A 4
P. H2

4
h k f

Khi tỷ lệ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD (một số chỉ tiêu chủ yếu: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận) của Công ty hoàn thành < 100% kế hoạch, thì khoản thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tương ứng tỷ lệ hoàn thành.

9. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Đại hội đã thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Vũ Hải Phong và Ông Lưu Văn Thuận.

10. Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

Đại hội đã bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát Công ty gồm các Ông/Bà có tên sau:

+ Bà Trương Thị Thu Hương, sinh năm 1977; nghề nghiệp Cử nhân kế toán doanh nghiệp.

+ Bà Triệu Thị Thu Phương, sinh năm 1981; nghề nghiệp Cử nhân Tài chính kế toán, Thạc sỹ kế toán.

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo bộ máy điều hành Công ty tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, xem xét tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 cho phù hợp với thực tế (nếu có sự thay đổi). Ban Kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết này.

Điều 3: Các cổ đông Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, bộ máy quản lý điều hành, tổ chức, cá nhân trong Công ty có liên quan và cổ đông căn cứ Nghị quyết thực hiện.

Điều 4: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 4 thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26/4/2016 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (b/c);
- Website Công ty;
- Lưu: HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



HỒ SỸ HÙNG